TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:69/2023/DS-ST
Ngày: 29 - 3 - 2023
V/v *Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Thạch Thị Minh Châu là Thư ký Toà án nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện T C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 427/2023/TLST-DS, ngày 09 tháng 01 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2023/QĐXXST- DS ngày 17 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2023/QĐST- DS ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Thạch Thị U, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp Trà Nóc, xã Song Lộc, huyện Ch Th, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn*: Ông Sơn V, sinh năm 1977 và bà Sơn Thị Sa R, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện T C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của bà Thạch Thị U là nguyên đơn như sau:

Bà Thạch Thị U có tham gia góp 03 dây hụi loại 3.000.000 đồng/phần, loại hụi nửa tháng khui một lần, mỗi dây gồm 16 phần mở cùng ngày 23 tháng 3 năm 2020, gồm các dây hụi: 20, 22, 23 do bà Sơn Thị Sa R và ông Sơn V làm đầu thảo (chủ hụi). Khi góp hụi chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm văn bản nhưng đầu thảo có lập danh sách hụi viên để giao lại cho hụi viên biết. Khi mỗi hụi viên hốt

hụi thì đầu thảo hưởng huê hồng với số tiền 900.000 đồng. Trong các dây hụi này bà U tham gia mỗi dây 01 phần lấy tên là "Mai Nguyễn". Các dây hụi này khui đến lần thứ 05 thì bà Sơn Thị Sa R và ông Sơn V úp hụi không khui nữa. Bà U đã đóng hụi (hụi sống) cho bà Sơn Thị Sa R và ông Sơn V mỗi dây được 04 lần, cụ thể là dây số 20 là 5.170.000 đồng, dây số 22 là 5.110.000 đồng, dây số 23 là 5.060.000 đồng, tổng cộng là 15.340.000 đồng.

Nay bà U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Sơn Thị Sa R và ông Sơn V phải trả nợ hụi với tổng số vốn là 15.340.000 đồng đồng ở các dây hụi loại 3.000.000 đồng/phần, mở cùng ngày 23 tháng 3 năm 2020, gồm các dây hụi: 20, 22, 23. Bà U không yêu cầu tính lãi.

- Bà Sơn Thị Sa R và ông Sơn V là bị đơn vắng mặt và không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bàThạch Thị U.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát:

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn nhiều lần vắng mặt chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 39; 91, 92, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị U. Buộc bà Sơn Thị Sa R và ông Sơn V phải trả cho cho bà Thạch Thị U số tiền nợ hụi 15.340.000 đồng. Do bà U không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Thạch Thị U có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bà Sơn Thị Sa R và ông Sơn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng

mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Thạch Thị U, bà Sơn Thị Sa R và ông Sơn V.

Về quan hệ pháp luật: Bà Thạch Thị U khởi kiện bà Sơn Thị Sa R và ông Sơn V để yêu cầu trả tiền nợ hụi. Xét thấy đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Thạch Thị U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Sơn Thị Sa R và ông Sơn V phải trả nợ hụi đối với 03 dây hụi loại 3.000.000 đồng /phần, loại hụi nửa tháng khui 01 lần, gồm 16 phần mở cùng ngày 23 tháng 3 năm 2020, gồm các dây hụi: 20, 22, 23 với tổng số tiền vốn bằng 15.340.000 đồng. Bà U không yêu cầu tính lãi.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị U, Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà U cho bà Sa R và ông Sơn V biết nhưng bà Sa R và ông Sơn V không có ý kiến, không phản đối những tình tiết, sự việc theo yêu cầu khởi kiện của bà U. Như vậy đây là những tình tiết bà U không cần chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc khác qua xác minh hụi viên (hụi sống) trong dây hụi như bà Thạch Thị Đa Ri thể hiện bà U có tham gia góp hụi loại hụi 3.000.000 đồng /phần mở hụi cùng ngày 23 tháng 3 năm 2020, gồm các dây hụi: 20, 22, 23 do bà Sơn Thị Sa R và ông Sơn V làm đầu thảo và bà U đã đóng hụi sống cho bà Sơn Thị Sa R và ông Sơn V được mỗi dây 04 lần hụi sống với số tiền vốn 15.340.000 đồng. Ngoài ra, đối với các dây hụi này trước đây giữa bà Thạch Thị Th, sinh năm 1977 địa chỉ ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện T C, tỉnh Trà Vinh (là hụi viên) và bà Sơn Thị Sa R đã thỏa thuận với nhau và Tòa án đã ra quyết định công nhận sự thỏa thuận này. Theo đó bà Sa R có lời khai thừa nhận có mở hụi và các hụi viên đã đóng hụi sống đúng với số tiền như bà U khởi kiện. Như vậy hợp đồng góp hụi giữa bà Thạch Thị U với bà Sơn Thị Sa R và ông Sơn V là có thật, việc bà U khởi kiện đòi nợ hụi là có căn cứ.

[4] Xét thấy bà Sơn Thị Sa R với vai trò là chủ hụi, là người tổ chức, quản lý dây hụi, thu các phần hụi và giao lại cho các thành viên được lĩnh hụi trong mỗi kỳ mở hụi cho tới khi kết thúc dây họ nhưng bà Sơn Thị Sa R ngưng khui hụi khi chưa kết thúc dây hụi là vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Do đó căn cứ vào Điều 15 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP việc bà Thạch Thị U khởi kiện bà Sơn Thị Sa R để yêu cầu trả nợ hụi là có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy ông Sơn V và bà Sơn Thị Sa R là vợ chồng, việc góp hụi diễn ra công khai trong một thời gian dài tại nhà ông Sơn V, các hụi viên khẳng định ông Sơn V biết rõ việc góp hụi. Khi Tòa án thụ lý vụ án, ông Sơn V không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà U nên cần buộc ông Sơn V, bà Sơn Thị Sa R

phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà U số tiền nợ 15.340.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 37 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tiền lãi, do bà Thạch Thị U không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do bà Thạch Thị U được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đồng thời căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc ông Sơn V và bà Sơn Thị Sa R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T C về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39,147, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 471, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 37 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu,miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị U. Buộc ông Sơn V và bà Sơn Thị Sa R phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Thạch Thị U số tiền là 15.340.000 đồng ở 03 dây hụi loại 3.000.000 đồng /phần, loại hụi nửa tháng khui một lần, gồm 16 phần mở cùng ngày 23 tháng 3 năm 2020 (gồm các dây hụi: 20, 22, 23).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Sơn V và bà Sơn Thị Sa R nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 767.000 đồng.

Bà Thạch Thị U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Thạch Thị U số tiền tạm ứng án phí đã nộp, cụ thể như sau:

- Số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002491 ngày 18/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T C.

- Số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002495 ngày 18/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T C.

- Số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002496 ngày 18/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T C.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện T C;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện T C;
- Đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Tùng